

Số: 17 /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam (Sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT) và Thông tư 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (Sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 3 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

“6a. Kiểm định, đánh giá tàu biển từ xa là quá trình đăng kiểm viên không có mặt trên tàu sử dụng công nghệ thông tin hoặc phương pháp khác để xác định điều kiện kỹ thuật của tàu biển trong thực tế vẫn đảm bảo an toàn hàng hải, an

ninh tàu biển, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường phù hợp cho mục đích hoạt động của tàu biển.”

2. Bổ sung khoản 3 Điều 5 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

“3. Trong các trường hợp: hạn chế tiếp cận tàu biển vì lý do dịch bệnh, thiên tai, xung đột vũ trang; cơ sở sửa chữa không thể bố trí tiếp nhận tàu biển; tàu biển thực sự không có điều kiện đến nơi được chỉ định để kiểm định, tổ chức đăng kiểm thực hiện kiểm định, đánh giá tàu biển trực tiếp hoặc từ xa nhằm xác định điều kiện kỹ thuật của tàu biển vẫn đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường để kéo dài thời hạn giấy chứng nhận của tàu biển theo quy định.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức đăng kiểm Việt Nam thực hiện công tác đăng kiểm tàu biển có trách nhiệm thanh toán các khoản phí, lệ phí, giá đăng kiểm theo quy định của pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 10 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị kiểm định tàu biển bao gồm: 01 (một) bản chính hoặc bản mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 như sau:

“4. Tiếp nhận hồ sơ: Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau:

“5. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận: Sau khi tiến hành kiểm định tàu biển, nếu kết quả kiểm định đạt yêu cầu thì cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành kiểm định lần đầu,

định kỳ và trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành kiểm định hàng năm, trên đà, trung gian, bất thường. Nếu kết quả kiểm định không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

Trường hợp tàu biển nhập khẩu, Chi cục Đăng kiểm cấp văn bản xác nhận trạng thái kỹ thuật tàu biển sau khi hoàn thành kiểm định lần đầu đạt yêu cầu.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 10 như sau:

“6. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 11 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị đánh giá công ty tàu biển bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc bản mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu 04 tại Phụ lục ban hành theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao tài liệu hệ thống quản lý an toàn của công ty tàu biển (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đối với trường hợp đánh giá sơ bộ hoặc lần đầu;

c) 01 (một) bản sao tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quản lý, thuê tàu trần và cam kết thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật ISM nếu công ty không phải là chủ sở hữu tàu biển (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đối với trường hợp đánh giá sơ bộ hoặc lần đầu.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn).”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu

hồ sơ đầy đủ thì trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc thống nhất thời gian đánh giá tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 11 như sau:

“5. Đánh giá và cấp giấy chứng nhận: Sau khi tiến hành đánh giá hệ thống quản lý an toàn tại công ty tàu biển, nếu kết quả đạt yêu cầu, thì Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn cấp hoặc xác nhận hiệu lực Giấy chứng nhận phù hợp (DOC) theo quy định của Bộ luật ISM trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành đánh giá; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 11 như sau:

“6. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc công dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 12 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị đánh giá tàu biển bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quản lý, thuê tàu trần và cam kết thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật ISM nếu công ty không phải là chủ sở hữu tàu biển (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua công dịch vụ công trực tuyến) đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận sơ bộ hoặc lần đầu.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (nếu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến); hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác; nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận

đủ hồ sơ thống nhất thời gian đánh giá tàu biển tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12 như sau:

“5. Đánh giá và cấp Giấy chứng nhận: Sau khi tiến hành đánh giá hệ thống quản lý an toàn tàu biển, nếu kết quả đạt yêu cầu thì Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn cấp hoặc xác nhận hiệu lực Giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC) theo quy định của Bộ luật ISM trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành đánh giá; nếu không đạt thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 12 như sau:

“6. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc công dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

“Điều 13. Nguyên tắc thực hiện ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam.

2. Khi có nhu cầu, chủ tàu biển đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện ủy quyền cho một tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam phù hợp theo quy phạm phân cấp tàu biển của tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Các yêu cầu về chất lượng, an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của quy phạm phân cấp tàu biển của tổ chức đăng kiểm nước ngoài không được thấp hơn các yêu cầu tương ứng của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền phải ký thỏa thuận với Cục Đăng kiểm Việt Nam theo Luật Tổ chức đăng kiểm (Luật RO) của IMO. Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo danh sách các tổ chức đăng kiểm đã ký thỏa thuận với Cục Đăng kiểm Việt Nam tại Hệ thống thông tin vận tải biển tích hợp toàn cầu (GISIS) của IMO.

4. Việc ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận cho tàu biển được thực hiện theo một trong các nội dung sau đây:

a) Kiểm định và cấp giấy chứng nhận phân cấp theo quy phạm của tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền;

b) Kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam;

c) Kiểm định và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

“Điều 14. Thủ tục cấp văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam

1. Hồ sơ đề nghị ủy quyền bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam hoặc văn bản chấp thuận đặt tên tàu biển của cơ quan đăng ký tàu biển (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đối với tàu đăng ký lần đầu mang cờ quốc tịch Việt Nam.

2. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Tiếp nhận hồ sơ: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến), hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả.

4. Xem xét hồ sơ và cấp văn bản ủy quyền: Sau khi tiến hành xem xét hồ sơ: nếu kết quả không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ theo quy

định thì Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp văn bản ủy quyền theo Mẫu 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 15 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị đánh giá, chứng nhận năng lực bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao bộ tài liệu bao gồm sổ tay chất lượng và các quy trình làm việc (trường hợp nộp hồ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

“3. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 15 như sau:

“4. Tiếp nhận hồ sơ: Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành xem xét hồ sơ.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu kết quả xem xét hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Đăng kiểm hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; nếu kết quả xem xét hồ sơ hợp lệ thì trả lời bằng văn bản và thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian đánh giá thực tế tại cơ sở trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thống nhất.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 như sau:

“5. Đánh giá và cấp Giấy chứng nhận: Sau khi Chi cục Đăng kiểm tiến hành đánh giá. Nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định và công bố danh sách các cơ sở đủ năng lực trên

Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế tại cơ sở.

Nếu kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm có văn bản gửi cơ sở nêu rõ lý do không đạt trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế tại cơ sở.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 15 như sau:

“6. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 16 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị kiểm định bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao bộ hồ sơ kỹ thuật bao gồm thông số kỹ thuật và các báo cáo kiểm tra, thử công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác).”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm (sau đây gọi là cơ quan đăng kiểm).”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 16 như sau:

“4. Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày người nộp hồ sơ đề nghị.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16 như sau:

“5. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận: Sau khi kiểm tiến hành kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, cơ quan đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành kiểm tra; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 16 như sau:

“6. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc công dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.”

11. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 17 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 17 như sau:

“a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 17 như sau:

“3. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Trung tâm Chuyển đổi số, dữ liệu phương tiện Quốc gia và tập huấn nghiệp vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm DTTC) hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên đủ điều kiện theo quy định.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 17 như sau:

“4. Tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm DTTC hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với cá nhân, tổ chức về thời gian và địa điểm huấn luyện nghiệp vụ.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 như sau:

“5. Tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận: Trung tâm DTTC hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên tổ chức huấn luyện nghiệp vụ và kiểm tra cuối khóa đối với người đề nghị được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc khoá huấn luyện, Trung tâm DTTC hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cho cá nhân có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 17 như sau:

“6. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm DTTC hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 18 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận thợ hàn bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Tiếp nhận hồ sơ: Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất thời gian kiểm tra tay nghề thực tế.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 18 như sau:

“5. Kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận: Sau khi kiểm tra tay nghề thực tế, nếu kết quả kiểm tra tay nghề đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra tay nghề thực tế.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 18 như sau:

“6. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.”

13. Bổ sung Điều 21a vào sau Điều 21 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT như sau:

“Điều 21a. Trách nhiệm của Trung tâm DTTC, cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên

Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển phù hợp với các yêu cầu nêu trong

MSC-MEPC.7/Circ.6 của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) và theo quy định tại Thông tư này.”

14. Thay thế Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT tương ứng bằng các Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

15. Thay thế Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 16/2022/TT-BGTVT bằng Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Bổ sung Mẫu số 12 vào Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT bằng Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển (Sau đây viết tắt là Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:

“a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 8 như sau:

“c) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 8 như sau:

“đ) Đạt yêu cầu trong kỳ đánh giá đăng kiểm viên trước khi công nhận đăng kiểm viên tàu biển.”

d) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 8 như sau:

“e) Có thời gian thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu biển tối thiểu: 03 (ba) tháng đối với người đã là đăng kiểm viên của tổ chức đăng kiểm quốc tế là thành viên của Hiệp hội các tổ chức phân cấp quốc tế (IACS), người đã có trên 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển; 06 (sáu) tháng đối với người đã có từ 01 (một) đến 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển; 01 (một) năm đối với các trường hợp khác.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 9 như sau:

“b) Sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá, công nhận đăng kiểm viên tàu biển; công nhận lại đăng kiểm viên tàu biển khi giấy chứng nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển có thời hạn 05 (năm) năm theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

8. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT.

9. Thay thế Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT bằng Mẫu 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2023. Các khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 9, khoản 10, khoản 11 và khoản 12 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Các thủ tục hành chính quy định tại Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT đang được thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành trả kết quả theo quy định.

3. Các đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT tiếp tục được duy trì hạng đăng kiểm viên đến ngày hết hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận và không phải xác nhận hàng năm.

4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban An toàn Giao thông quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN&MT (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH VÀ CẤP HỒ SƠ ĐĂNG KIỂM CHO TÀU BIỂN

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị thực hiện kiểm định và cấp các giấy chứng nhận cho tàu sau đây:

1. THÔNG TIN VỀ TÀU

| | | | |
|------------------------|---|---------------------------------------|--|
| Tên tàu | | Số phân cấp/ Số IMO. | |
| Dấu hiệu cấp tàu | | Tổ chức đăng kiểm khác ⁽¹⁾ | |
| Quốc tịch | | Cảng đăng ký | |
| Công dụng của tàu | | Tổng dung tích | |
| LppxBxDxd (m) | | Trọng tải (tấn) | |
| Vùng hoạt động của tàu | <input type="checkbox"/> Tuyến quốc tế/ <input type="checkbox"/> Tuyến nội địa <input type="checkbox"/> Không hạn chế/ <input type="checkbox"/> Hạn chế (chỉ rõ vùng hạn chế): | | |

⁽¹⁾ Đề nghị tổ chức đăng kiểm khác trong trường hợp tàu có mang đồng thời cấp của tổ chức đó.

2. THÔNG TIN VỀ KIỂM ĐỊNH

| | | |
|--|----------|-----------|
| Thời gian kiểm định | Từ ngày: | đến ngày: |
| Địa điểm kiểm định | | |
| Người liên hệ, địa chỉ, điện thoại, fax, email | | |

3. PHẠM VI KIỂM ĐỊNH (Mô tả yêu cầu kiểm tra, loại hình kiểm tra phân cấp/ theo luật)

4. CẤP/ XÁC NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN (Mô tả các giấy chứng nhận yêu cầu cấp/xác nhận)

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04

ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA CÔNG TY
APPLICATION FOR AUDIT OF COMPANY SMS

Kính gửi/ To: **Trung tâm chứng nhận hệ thống quản lý chứng nhận và an toàn**

Chúng tôi đề nghị Trung tâm chứng nhận hệ thống quản lý chứng nhận và an toàn thực hiện việc đánh giá Hệ thống quản lý an toàn theo yêu cầu của Bộ luật ISM như sau:

We request Quality and Safety Management System Certification Center to carry out audit for the Safety Management System in accordance with ISM Code requirements as mentioned below:

| | | |
|---|---|---|
| Loại hình đánh giá <i>Type of Audit</i> | <input type="checkbox"/> Lần đầu/ <i>Initial</i> <input type="checkbox"/> Hàng năm/ <i>Annual</i> <input type="checkbox"/> Cấp mới/ <i>Renewal</i> | |
| | <input type="checkbox"/> Sơ bộ/ <i>Issuing Interim DOC</i> | |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung/ <i>Additional</i> (lý do/for:) | |
| | <input type="checkbox"/> Khắc phục/ <i>Follow up</i> (lý do/for:) | |
| Công ty <i>Company</i> | Tên Công ty/ <i>Company name</i> : | |
| | Số nhận dạng/ <i>Company IMO Number</i> : | |
| | Địa chỉ đăng ký/ <i>Registered Address</i> : | |
| | Địa chỉ giao dịch/ <i>Postal Address</i> : | |
| | Telephone No.: | Fax No.: Email: |
| | GCN DOC hoặc I_DOC/ <i>DOC or I_DOC Cert.</i> : | |
| | Người đại diện/ <i>Person in Charge</i> : | |
| | Chức vụ/ <i>Position</i> : | |
| | Mobile No.: | Email: |
| | Số lượng nhân viên trong HTQLAT/ <i>Number of employer in Company SMS</i> : | |
| | Số lượng tàu trong HTQLAT (xem danh sách đính kèm)/ <i>Number of ship(s) applied Company SMS (see attached list)</i> : | |
| | Số lượng chi nhánh chịu trách nhiệm trong việc quản lý tàu (xem danh sách đính kèm)/ <i>Number of branch(es) responsible for management of ship (see attached list)</i> : | |
| Loại tàu <i>Audit Scope</i> | <input type="checkbox"/> Tàu khách/ <i>Passenger Ship</i> | <input type="checkbox"/> Tàu hàng rời/ <i>Bulk Carrier</i> |
| | <input type="checkbox"/> Tàu khách cao tốc/ <i>Passenger HSC</i> | <input type="checkbox"/> Tàu hàng cao tốc/ <i>Cargo HSC</i> |
| | <input type="checkbox"/> Tàu dầu/ <i>Oil Tanker</i> | <input type="checkbox"/> Tàu hàng khác/ <i>Other cargo ship</i> |
| | <input type="checkbox"/> Tàu hóa chất/ <i>Chemical Tanker</i> | <input type="checkbox"/> Dàn khoan di động/ <i>MODU</i> |
| | <input type="checkbox"/> Tàu khí hóa lỏng/ <i>Gas Carrier</i> | |
| | | |
| Dự kiến đánh giá <i>Audit Schedule</i> | Ngày/ <i>Date</i> : | |
| | Địa điểm/ <i>Place</i> : | |

Tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đánh giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận: (Ghi vào phần này nếu tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán phí, lệ phí, giá đăng kiểm không phải là tổ chức đề nghị)

All fees and expenses incurred in the above mentioned audit and issue of certificate are paid by: (Fill in this section if the organization responsible for paying fees and expenses is not the applicant)

Công ty/*Company*:

Địa chỉ/*Address*:

Mã số thuế/*Tax Code*:

Telephone No.:

Fax No.:

Ngày/*Date*:

Đại diện Công ty/*Signature of Applicant*

DANH SÁCH CÁC TÀU DO CÔNG TY QUẢN LÝ
LIST OF THE SHIPS UNDER COMPANY'S MANAGEMENT

| STT No. | Tên tàu Ship name | Treo cờ Flag | Loại tàu Ship type | Tổng dung tích Gross tonnage | Cảng đăng ký Port of registry |
|--------------------|------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---|--|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

DANH SÁCH CHI NHÁNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ TÀU
LIST OF BRANCH(ES) RESPONSIBLE FOR MANAGEMENT OF SHIP

| STT No. | Tên chi nhánh Branch name | Địa chỉ Address | Tel./Fax/ Email | Người đại diện Person in charge | Tel./Email |
|--------------------|--------------------------------------|----------------------------|----------------------------|--|-------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 05

ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA TÀU BIỂN
APPLICATION FOR AUDIT OF SHIPBOARD SMS

Kính gửi/ To: **Trung tâm chứng nhận hệ thống quản lý chứng nhận và an toàn**

Chúng tôi đề nghị Trung tâm chứng nhận hệ thống quản lý chứng nhận và an toàn thực hiện việc đánh giá Hệ thống quản lý an toàn theo yêu cầu của Bộ luật ISM như sau:

We request Quality and Safety Management System Certification Center to carry out audit for the Safety Management System in accordance with ISM Code requirements as mentioned below:

| | | | |
|---|---|-------------------------------|--------------------------|
| Loại hình đánh giá <i>Type of Audit</i> | <input type="checkbox"/> Lần đầu/Initial <input type="checkbox"/> Trung gian/Intermediate <input type="checkbox"/> Cấp mới/Renewal <input type="checkbox"/> Sơ bộ/Issuing Interim SMC <input type="checkbox"/> Bổ sung/Additional (lý do/for:) <input type="checkbox"/> Khắc phục/Follow up (lý do/for:) | | |
| | Tàu Ship | Tên tàu/Ship name: | Hồ hiệu/Call sign: |
| | | Loại tàu/Ship type: | Số IMO/IMO No.: |
| | | Treo cờ/Flag: | Số đăng ký/Official No.: |
| Cảng đăng ký/Port of Registry: | | Tổng dung tích/Gross Tonnage: | |
| Đăng kiểm/Classification Society: | | Số phân cấp/Class No.: | |
| | GCN SMC (nếu có)/SMC Cert.(if any): | Năm đóng/Year of Build: | |
| Công ty Company | Tên Công ty/Company name: | | |
| | Số nhận dạng/Company IMO Number: | | |
| | Địa chỉ/Address: | | |
| | Telephone No.: | | Fax No.: |
| | GCN DOC hoặc I_DOC/DOC or I_DOC Cert.: | | |
| | Ngày đánh giá hàng năm gần nhất/Date of Last Annual Audit: | | |
| | Thời hạn đánh giá hàng năm/Due Range of Annual Audit từ /from: đến /to: | | |
| | Cán bộ an toàn công ty/ DPA: GCN DPA (nếu có)/DPA Cert.(if any): | | |
| Dự kiến đánh giá Audit Schedule | Ngày/Date: | | |
| | Địa điểm/Place: | | |
| | Đại lý liên hệ/Name of Agent: | | |
| | Telephone No.: | | Fax No.: Email: |

Tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đánh giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận: (Ghi vào phần này nếu tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán phí, lệ phí, giá đăng kiểm không phải là tổ chức đề nghị)

All fees and expenses incurred in the above mentioned audit and issue of certificate are paid by: (Fill in this section if the organization responsible for paying fees and expenses is not the applicant)

Công ty/Company:

Địa chỉ/Address:

Mã số thuế/Tax Code:

Telephone No.:

Fax No.:

Ngày/Date:

Đại diện Công ty/Signature of Applicant

**ĐỀ NGHỊ ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM NƯỚC NGOÀI KIỂM
ĐỊNH, PHÂN CẤP VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN HÀNG HẢI, AN
NINH TÀU BIỂN, ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI VÀ PHÒNG NGỪA Ô
NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM**

Số:

Địa điểm:

Ngày

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax/email:

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam uỷ quyền cho tổ chức đăng kiểm:

Thực hiện kiểm định, phân cấp và cấp các giấy chứng nhận an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển dưới đây:

Tên tàu:

Cảng đăng ký:

Số đăng ký:

Số IMO:

Hô hiệu:

Tổng dung tích (GT):

Chủ tàu biển:

Công ty tàu biển:

Nội dung đề nghị uỷ quyền:

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(ký tên, đóng dấu)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số
Ref. No.

Địa điểm Ngày
Place Date

**VĂN BẢN ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM NƯỚC NGOÀI
KIỂM ĐỊNH, PHÂN CẤP VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KỸ THUẬT VỀ AN TOÀN
HÀNG HẢI, AN NINH TÀU BIỂN, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM LAO ĐỘNG HÀNG HẢI
VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM**

AUTHORIZATION LETTER FOR FOREIGN RECOGNIZED ORGANIZATION TO CARRY OUT
SURVEY, CLASSIFICATION AND ISSUANCE OF SAFETY, SECURITY, MARITIME LABOUR
AND ENVIRONMENT POLLUTION PREVENTION CERTIFICATES FOR VIETNAM SEA-
GOING SHIP

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
GENERAL DIRECTOR OF VIETNAM REGISTER

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015,
Pursuant to the Vietnam Maritime Code 2015,

Xét Đề nghị số:
Having considered Application No.:

ngày
dated

của:
of:

ỦY QUYỀN:
AUTHORIZES:

Thực hiện việc kiểm định, phân cấp và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh
tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển dưới
đây:

To carry out survey, classification and issuance of safety, security, maritime labour and environment
pollution prevention certificates to the following ship:

Tên tàu (Ship's Name): Cảng đăng ký (Port of Registry):
Số đăng ký (Registry Number): Số IMO (IMO Number):
Hô hiệu (Call Sign): Tổng dung tích (GT):
Chủ tàu biển (Owner):
Công ty tàu biển (Company):

| TT No. | Phạm vi ủy quyền Scope of authorization | Quy chuẩn, quy phạm, tiêu chuẩn, công ước áp dụng Applicable regulations, rules, standards, conventions |
|-----------|--|--|
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

CỤC TRƯỞNG
GENERAL DIRECTOR
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 08

**ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ THỬ NGHIỆM,
 CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM TRA, THỬ TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN VÀ CƠ SỞ
 CHẾ TẠO LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT
 VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TÀU BIỂN**

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm/cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn/cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển⁽¹⁾ (sau đây gọi là “cơ sở”) dưới đây:

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại: Fax: Email:

Các dịch vụ/sản phẩm⁽¹⁾ do cơ sở cung cấp/chế tạo⁽¹⁾:

.....

Ngày dự kiến đánh giá tại cơ sở:

Sổ tay chất lượng, sơ đồ tổ chức và các quy trình làm việc liên quan của cơ sở được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
 (Ký tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Gạch bỏ nếu không phù hợp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09

**ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO CÔNG-TE-NƠ, MÁY, VẬT
LIỆU, TRANG THIẾT BỊ SỬ DỤNG TRÊN TÀU BIỂN**

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ/máy/vật liệu/trang thiết bị sử dụng cho tàu biển⁽¹⁾ (sau đây gọi là “thiết bị”) dưới đây:

Tên thiết bị:

.....

.....

Tên, địa chỉ nhà sản xuất:

.....

Ngày sản xuất:

Thời gian kiểm định dự kiến:

Địa điểm kiểm định:

Thông số kỹ thuật và các báo cáo kiểm tra, thử thiết bị trong quá trình sản xuất được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Gạch bỏ nếu không phù hợp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 10

**ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN
 NGHIỆP VỤ CÁN BỘ QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG TY TÀU BIỂN**

Số Địa điểm Ngày

Kính gửi:.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:Email:

.....

Đề nghị tập huấn nghiệp vụ và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty theo quy định của Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) cho những người có tên sau đây:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại/ Email |
|----|-----------|----------------------|
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

01 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm của mỗi người có tên trên được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
 (Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 11

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THỢ HÀN

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị cấp giấy chứng nhận thợ hàn theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cho những người có tên sau đây:

| TT | Họ và tên | Mã số thợ hàn (nếu có) | Số điện thoại/Email | Đơn vị công tác (nếu có) |
|----|-----------|---------------------------|---------------------|-----------------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Thời gian và địa điểm dự kiến kiểm tra tay nghề:

.....

01 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm của mỗi người có tên trên được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
 (Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN THAM DỰ
HUẤN LUYỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG TY TÀU BIỂN
CERTIFICATE OF PARTICIPATING
IN THE TRAINING COURSE FOR THE COMPANY'S DESIGNATED
PERSON ASHORE (DPA)

Trường/Trung tâm chứng nhận
 MARITIME TRAINING INSTITUTION CERTIFY THAT

Ông / Bà:
Mr. / Mrs.

Ngày sinh:
Date of birth

Quốc tịch:
Nationality

Đã hoàn thành khóa huấn luyện cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển được tổ chức tại từ ngày đến ngày

Has completed the training course for the Company's Designated Person Ashore (DPA), which has been held at from dateto date

theo quy định tại mục 4 Phần A của Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) và Thông tri MSC-MEPC.7/Circ.6

according to item 4 Part A of the International Safety Management Code (ISO Code) and the IMO Circular MSC-MEPC.7/Circ.6

Số Giấy chứng nhận:

Certificate Number

Ảnh màu
4x6

Cấp tại, ngày.....tháng.....năm.....

Issued at

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số 01



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU BIỂN SEA-GOING SHIP SURVEYOR CERTIFICATE

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
THE GENERAL DIRECTOR OF VIETNAM REGISTER CERTIFIES THAT

Họ và tên:

Full Name

Ngày sinh:

Date of Birth

Số đăng kiểm viên:

Surveyor Number

Được công nhận là:

Has been recognized as

Được thực hiện công việc nêu trong (các) phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

To carry out the works as detailed in the supplement(s) attached to this Certificate.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

This Certificate is valid until:

Nơi cấp:

Place of issue

Ngày cấp:

Date of issue

CỤC TRƯỞNG
GENERAL DIRECTOR

Số Giấy chứng nhận:

Reference Number:

